

VAI TRÒ CỦA KIẾN THỨC NỀN TRONG QUÁ TRÌNH TIẾP NHẬN DIỄN NGÔN VÀ GIAO TIẾP LIÊN VĂN HÓA DƯỚI GÓC NHÌN VĂN HÓA HỌC NGÔN NGỮ

Đặng Thị Cúc*, Nguyễn Phương Loan**

Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa vẫn luôn là địa hạt để nhiều nhà ngôn ngữ học và văn hóa học nghiên cứu, đi sâu tìm hiểu. Các phạm trù thể hiện sự giao thoa giữa hai lĩnh vực này bao gồm quá trình tiếp nhận diễn ngôn và giao tiếp liên văn hóa. Khác với cách hiểu truyền thống xem giao tiếp liên văn hóa là một phần của tiếp nhận diễn ngôn, nghiên cứu này tiếp cận hai lĩnh vực như những phạm trù độc lập nhưng gắn kết chặt chẽ. Hai phạm trù này đều chịu tác động của kiến thức nền. Bài viết phân tích vai trò then chốt của kiến thức nền trong quá trình giao tiếp dưới góc nhìn văn hóa học ngôn ngữ - chuyên ngành nghiên cứu tác động của văn hóa trong chi phối và điều hành ngôn ngữ, trong diễn ngôn và tiếp nhận diễn ngôn, trong tổ chức ngôn ngữ và giao tiếp bằng ngôn ngữ (Trần Ngọc Thêm, 2021). Ở đó, kiến thức nền vừa đóng vai trò là dữ liệu đầu vào cũng như sản phẩm vô hình thu được tại thời điểm phát ngôn giúp các bên tham gia giao tiếp thấu hiểu lẫn nhau và thích ứng với bối cảnh đa văn hóa.

Từ khóa: Kiến thức nền, tương tác, diễn ngôn, tiếp nhận diễn ngôn, giao tiếp liên văn hóa.

The relationship between language and culture has long been a subject of extensive research among linguists and cultural scholars, particularly in the domains of discourse reception and intercultural communication. In contrast to the traditional views positioning intercultural communication as a subset of discourse reception, this study approaches these two areas as distinct yet closely interconnected concepts, both of which are shaped by background knowledge. This paper analyzes the pivotal role of background knowledge in communication from the perspective of linguoculturology – a field that explores how culture governs and shapes language, discourse, and communication (Tran Ngoc Them, 2021). Within this framework, background knowledge functions both as input and as an intangible output produced during the communicative act, facilitating mutual understanding and cultural adaptability among interlocutors in multicultural contexts.

Keywords: background knowledge, interaction, discourse, discourse reception, intercultural communication.

* Sinh viên Khoa tiếng Tây Ban Nha, Trường Đại học Hà Nội

** ThS., Khoa tiếng Tây Ban Nha, Trường Đại học Hà Nội (Tác giả liên hệ)

Email: loan.nguyen@hanu.edu.vn; dangcuc57646@gmail.com

1. Đặt vấn đề

Cùng với quá trình phát triển của xã hội, phương thức giao tiếp và chuyển hóa thông tin cũng ngày càng được quan tâm và nghiên cứu nhiều hơn. Đặc biệt, mối quan hệ hữu cơ giữa ngôn ngữ và văn hóa đã trở thành trọng tâm của nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu. Việc tiếp nhận và điều khiển diễn ngôn cũng đã trở thành tâm điểm nghiên cứu, bởi lẽ diễn ngôn không chỉ dừng lại ở việc lắng nghe và phản hồi thông tin ngôn ngữ, mà còn đòi hỏi người nghe “thấu hiểu” sâu sắc về ý nghĩa và ngữ cảnh. Bài viết này đi sâu tìm hiểu phương thức hoạt động của quá trình tiếp thu và điều khiển diễn ngôn của người nói và người nghe trong giao tiếp liên nhân.

Với quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, mối quan hệ giữa con người với con người cũng ngày phát triển bất chấp mọi khoảng cách địa lí. Do đó, mối liên hệ giữa những cá nhân đến từ những nền văn hóa khác nhau cũng trở nên đa dạng và sâu sắc hơn. Tính hiệu quả của việc giao tiếp giữa những cá nhân từ những nền văn hóa khác nhau không chỉ phụ thuộc vào năng lực ngôn ngữ mà còn tùy thuộc vào năng lực liên văn hóa hay khả năng thích ứng, đồng cảm và hiểu biết về sự khác biệt văn hóa. Do đó, quá trình giao tiếp giữa những người không cùng một văn hóa không chỉ dừng lại ở mức hiểu biết về ngôn ngữ để tiếp nhận và “điều hành” diễn ngôn (Ngô Hữu Hoàng, 2012) mà còn là khả năng thích ứng, hiểu biết, tôn trọng sự khác biệt trong văn hóa của đối phương cũng như thấu hiểu văn hóa của cộng đồng mình.

Từ đó, người ta có thể rút ra cách thức sử dụng ngôn ngữ sao cho hiệu quả, phù hợp. Đó chính là “giao tiếp liên văn hóa”. Theo Gudykunst (2003), giao tiếp liên văn hóa không chỉ là sự trao đổi thông tin đơn thuần giữa những người thuộc các nền văn hóa khác nhau, mà còn là quá trình tương tác phức tạp đòi hỏi sự nhạy cảm văn hóa và khả năng điều chỉnh hành vi phù hợp.

Điểm giao thoa giữa quá trình tiếp nhận diễn ngôn và giao tiếp liên văn hóa nằm ở tác động của văn hóa - hay hình thái cá nhân hóa của nó, được gọi là “kiến thức nền” đến sự chuyển đổi từ tiếp nhận diễn ngôn đơn thuần sang giao tiếp liên văn hóa. Tuy nhiên, bài viết tập trung phân tích vai trò và ảnh hưởng của “kiến thức nền” trong quá trình tiếp nhận diễn ngôn, trong giao tiếp liên văn hóa và đặc biệt là trong sự chuyển hóa từ diễn ngôn nội văn hóa sang giao tiếp liên văn hóa, dưới góc độ nghiên cứu văn hóa học ngôn ngữ.

Cả hai phạm trù diễn ngôn và giao tiếp liên văn hóa đều được nhiều học giả trong lĩnh vực ngôn ngữ - văn hóa học như Van Dijk (2003), Gudykunst (2003), Nguyễn Hòa (2008), Trần Đình Sử (2015)... nghiên cứu và có nhiều đóng góp lớn. Song các tác giả này đang coi giao tiếp liên văn hóa là một bộ phận của tiếp nhận diễn ngôn chứ chưa coi giao tiếp liên văn hóa là phạm trù nghiên cứu độc lập. Nguyễn Hòa (2008) đã nhìn nhận giao tiếp liên văn hóa là một trong những đường hướng phân tích diễn ngôn. Ngô Hữu Hoàng (2012) khẳng định vai trò của văn hóa trong tạo lập và tiếp nhận diễn ngôn thông qua việc phân tích

tác động của kiến thức văn hóa nền lên giao tiếp liên văn hóa.

Với mục tiêu làm rõ cơ chế tác động của kiến thức nền đối với tiếp nhận diễn ngôn và giao tiếp liên văn hóa như hai khách thể độc lập, nghiên cứu của chúng tôi tập trung trả lời ba câu hỏi sau:

1. Cơ chế tác động của kiến thức nền đến quá trình tiếp nhận diễn ngôn là gì?

2. Kiến thức nền tác động như thế nào đến hiệu quả giao tiếp liên văn hóa?

3. Trong bối cảnh kiến thức nền chi phối, tương quan giữa tiếp nhận diễn ngôn và giao tiếp liên văn hóa được biểu hiện ra sao?

Thành công trong tiếp nhận diễn ngôn đòi hỏi sự tích hợp đồng thời giữa kiến thức ngôn ngữ và kiến thức văn hóa, mặc dù mức độ phụ thuộc vào yếu tố văn hóa có thể biến thiên tùy bối cảnh giao tiếp. Tuy nhiên, trong giao tiếp liên văn hóa, kiến thức nền về văn hóa trở thành biến số quyết định đối với hiệu quả giao tiếp. Điều này lý giải việc nghiên cứu hiện tại phá vỡ khuôn mẫu truyền thống khi đặt “giao tiếp liên văn hóa” ngang hàng với “tiếp nhận diễn ngôn”, thay vì coi giao tiếp liên văn hóa là một nhánh phân tích diễn ngôn như các nghiên cứu tiền nhiệm. Đồng thời bài nghiên cứu còn nhận ra vai trò kép của kiến thức nền trong vòng tuần hoàn tri thức giao tiếp. Tại mô hình lí thuyết đề xuất, kiến thức nền đóng hai chức năng then chốt khi vừa là dữ liệu đầu vào vừa là phẩm vô hình được tái tạo và điều chỉnh tại thời điểm phát

ngôn, giúp các cá nhân giao tiếp thấu hiểu nhau và thích ứng linh hoạt trong bối cảnh đa văn hóa.

Để thực hiện bài nghiên cứu này, chúng tôi tiến hành phương pháp phân tích, tổng hợp các quan điểm của các học giả trước đây về hai lĩnh vực ngôn ngữ và văn hóa, bao gồm các bài nghiên cứu cả trong và ngoài nước. Bài viết sẽ viện dẫn nhiều tài liệu thể hiện các góc nhìn của nhiều nhà nghiên cứu khác nhau, dựa theo ba tiêu chí: (1) tính liên quan về mặt khái niệm với ít nhất một trong ba cấu trúc cốt lõi của nghiên cứu (tiếp nhận diễn ngôn, giao tiếp liên văn hóa và kiến thức nền), (2) giá trị học thuật được chứng minh bằng việc được xuất bản trên các tạp chí uy tín hoặc các tổ chức học thuật được công nhận và (3) mức độ liên quan và tiềm năng đóng góp cho khung lí thuyết được đề xuất trong nghiên cứu này. Từ đó, chúng tôi sử dụng phương pháp so sánh - đối chiếu nhằm chỉ ra điểm tương đồng và khác biệt giữa các quan điểm đồng thời sử dụng phương pháp hệ thống - loại hình để mô hình hóa mối quan hệ giữa các phạm trù “kiến thức nền”, “tiếp nhận diễn ngôn” và “năng lực giao tiếp liên văn hóa”.

2. Tổng quan lí thuyết

2.1. Diễn ngôn và tiếp nhận diễn ngôn

2.1.1. Diễn ngôn

Thuật ngữ “diễn ngôn” bắt đầu được sử dụng trong Việt ngữ học từ những năm 2000, chịu ảnh hưởng từ các học thuyết ngôn ngữ học quốc tế. Hiện nay, đây là một

thuật ngữ chuyên ngành quan trọng trong nghiên cứu ngôn ngữ học hiện đại. Van Dijk (2003) định nghĩa diễn ngôn là một sự kiện giao tiếp xảy ra giữa người nói và người nghe (hoặc người quan sát...) trong quá trình tương tác trong một ngữ cảnh nhất định về thời gian, không gian, hoặc những yếu tố ngữ cảnh khác. Quá trình này có thể diễn ra qua lời nói hoặc văn bản. Các yếu tố cấu thành có thể bao gồm cả ngôn ngữ có lời và ngôn ngữ phi lời.

Trần Đình Sử (2013) đã đưa ra sáu nội dung cơ bản về diễn ngôn. Thứ nhất, diễn ngôn được coi là phương thức truyền tải và tiếp nhận thông tin của con người. Thứ hai, diễn ngôn là cách thức ngôn ngữ phản ánh và biểu đạt về thế giới và cuộc sống, thể hiện nhận thức và quan điểm của con người đối với những hiện tượng xung quanh. Thứ ba, diễn ngôn là một công cụ giúp phản ánh hiện thực đời sống thông qua phương tiện ngôn ngữ. Thứ tư, diễn ngôn vận hành theo những cơ chế và nguyên tắc nội tại của chính nó, để mô phỏng lại thế giới theo cách thức riêng biệt, không thể tách rời khỏi quy luật phát triển và biến đổi của chính nó. Thứ năm, diễn ngôn không đơn thuần chỉ là sự thể hiện của cá nhân mà còn phản ánh quan điểm và ảnh hưởng của những nhóm người hoặc tầng lớp có quyền lực trong xã hội. Cuối cùng, diễn ngôn không chỉ là sự kết nối giữa các văn bản mà còn là sự tái hiện các hiện tượng xã hội vượt ra ngoài phạm vi của một văn bản.

Sự khác biệt giữa diễn ngôn và văn bản chủ yếu nằm ở sự tương phản về hình thức và chức năng. Theo Mammadov (2018),

văn bản tập trung vào tính hình thức, ngôn ngữ nội tại, mạch lạc về mặt ngôn ngữ. Còn diễn ngôn mở rộng phạm vi sang tương tác ngôn ngữ – ngữ cảnh, nhấn mạnh chức năng xã hội, vai trò văn hóa và sự tương tác thực trong môi trường giao tiếp. Nói cách khác, diễn ngôn phản ánh quá trình con người hiểu và tạo dựng giao tiếp trong một mô hình ngữ cảnh cụ thể, trong khi đó văn bản được xem như sản phẩm của diễn ngôn thông qua ngôn từ. Như vậy, diễn ngôn được xem xét trên bình diện chức năng, ngược lại văn bản được nghiên cứu dựa trên khía cạnh hình thức.

2.1.2. Tiếp nhận diễn ngôn

Như đã trình bày trong phần khái niệm, diễn ngôn được hiểu như một hoạt động giao tiếp xảy ra giữa người phát ngôn và người tiếp nhận trong một ngữ cảnh nhất định. Đặc biệt quá trình này có thể diễn ra qua văn bản nói hoặc văn bản viết, cả trong ngôn ngữ có lời và ngôn ngữ phi lời. Với mục tiêu tìm hiểu quá trình tiếp biến theo chiều ngang, từ tiếp nhận diễn ngôn bằng ngôn ngữ có lời đến hình thành năng lực tiếp nhận và phản hồi diễn ngôn và giao tiếp liên văn hóa, chúng tôi chủ yếu tiến hành khai thác và phân tích diễn ngôn trong văn bản nói, dưới tác động của ngôn ngữ có lời.

Tiếp nhận diễn ngôn là quá trình người tiếp nhận hiểu, diễn giải và phản ứng lại với thông điệp từ người nói. Đây là một quá trình phức tạp khi nó không chỉ dừng lại ở việc nhận diện từ ngữ hay âm thanh, mà còn đòi hỏi sự giải mã các tầng ý nghĩa của thông điệp, cảm xúc và bối cảnh xã hội.

Diễn ngôn trong giao tiếp, dù diễn ra trong cùng một nền văn hóa hay giữa các nền văn hóa khác nhau, luôn chứa đựng nhiều tầng lớp ý nghĩa đan xen. Ý nghĩa của nó không chỉ phụ thuộc vào bối cảnh mà còn bị chi phối bởi sự khác biệt về tư duy, hệ giá trị và cách diễn đạt đặc trưng của từng nền văn hóa. Chính những yếu tố này tạo nên sự đa dạng, phong phú và tính phức hợp trong quá trình tiếp nhận.

Để hiểu rõ hơn, bài viết tập trung phân tích hai yếu tố chính tác động đến quá trình tiếp nhận diễn ngôn: (1) yếu tố chủ quan từ người tiếp nhận, cụ thể là kiến thức nền và (2) yếu tố khách quan từ môi trường giao tiếp, cụ thể là ngữ cảnh giao tiếp. Cả hai yếu tố trên đều có mối quan hệ chặt chẽ phức tạp và bổ trợ lẫn nhau trong quá trình hiểu và giải mã thông điệp mà diễn ngôn truyền tải.

2.1.3. Các thành tố ảnh hưởng đến tiếp nhận diễn ngôn

Tiếp nhận diễn ngôn là một quá trình phức tạp khi không diễn ra một cách tự động mà chịu sự chi phối bởi nhiều yếu tố khác nhau trong đó đáng chú ý là (1) ngữ cảnh giao tiếp, (2) chiến lược tổ chức diễn ngôn và đặc điểm diễn ngôn, (3) tính quan yếu của diễn ngôn và (4) kiến thức nền của người tiếp nhận diễn ngôn. Sự tương tác giữa các yếu tố này chi phối cách con người hiểu, lý giải và phản hồi trước các hình thức giao tiếp đa dạng.

2.1.3.1. Ngữ cảnh trong giao tiếp

Môi trường giao tiếp đóng vai trò then chốt trong quá trình sản sinh và diễn giải

diễn ngôn, trong đó ngữ cảnh đóng vai trò là thành phần cơ bản để hình thành và xác định môi trường đó. Lúc này tương tác giữa các cá nhân tham gia giao tiếp và ngữ cảnh là tương tác hai chiều. (Mielke và cộng sự, 2022). Cụ thể, ngữ cảnh trong tiếp nhận diễn ngôn không chỉ bao gồm không gian và thời gian, mà còn bao gồm các giá trị và hành động của những người tham gia giao tiếp. Ngữ cảnh không mang tính “tĩnh” mà phát triển theo ý định của những người tham gia, khi con người định hình ngữ cảnh giao tiếp thì ngữ cảnh tiếp cũng ảnh hưởng đến họ.

2.1.3.2. Chiến lược tổ chức diễn ngôn và đặc điểm cấu trúc diễn ngôn

Chiến lược tổ chức diễn ngôn là cách người phát ngôn lựa chọn và sắp xếp thông tin nhằm tạo ra hiệu quả giao tiếp tối ưu trong giao tiếp. Khi ý định của người nói thay đổi dẫn đến đặc điểm của diễn ngôn cũng thay đổi theo, các khía cạnh cấu trúc và hình thức như tổ chức ngữ pháp, sự gắn kết logic và các cấu trúc đa phương thức của diễn ngôn (văn bản, yếu tố hình ảnh hoặc âm thanh) sẽ quyết định sự thành công trong tiếp nhận diễn ngôn. Đặc biệt, chiến lược tổ chức diễn ngôn của người nói sẽ quyết định mức độ chú ý từ đó ảnh hưởng đến cách người nhận xử lý và diễn giải thông tin.

2.1.3.3. Tính quan yếu của diễn ngôn

Tính quan yếu của diễn ngôn có thể hiểu là “sự phù hợp về mặt nội dung của các đóng góp trong quá trình giao tiếp”

(Nguyễn Hòa, 2008). Nói cách khác, tính quan yếu là mức độ liên quan về mặt nội dung với các diễn ngôn được nói đến trước đó hay rộng ra là mức độ quan hệ với “khung chủ đề” đang có (Brown và Yule, 2002). Tính chất này của diễn ngôn đóng vai trò then chốt trong việc định hình mức độ thuận lợi mà người tiếp nhận có thể nắm bắt thông điệp được truyền tải, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả tiếp nhận cũng như mức độ thành công của toàn bộ quá trình giao tiếp.

2.1.3.4. Kiến thức nền của người tiếp nhận diễn ngôn

Trong văn bản nói hay văn bản viết, cả người phát ngôn lẫn người tiếp nhận diễn ngôn đều không thể tách rời với vốn tri thức nền của cộng đồng bản ngữ. Kiến thức nền đóng vai trò như một hệ thống mã hóa và giải mã ngầm giữa những người tham gia giao tiếp. Lượng tri thức này cho phép người tiếp nhận “đọc” được những ý nghĩa bên trong vượt ra ngoài nghĩa của từ vựng, từ đó chủ động bổ sung các thông tin ngầm. Có thể nói, việc tiếp nhận diễn ngôn thành công hay không phụ thuộc vào khối lượng và chất lượng của kiến thức văn hóa nền mà các bên tham gia có được tại thời điểm diễn ra phát ngôn (Nguyễn Hòa, 2008).

2.2. *Giao tiếp liên văn hóa*

2.2.1. *Khái niệm giao tiếp liên văn hóa*

Thomas (2013) từng khẳng định sự thành công trong giao tiếp không chỉ là việc tạo lập câu chính xác về mặt ngữ pháp mà

còn là thành công trong truyền đạt và diễn giải ý nghĩa trong mô hình ngữ cảnh. Do đó, thành công này phụ thuộc vào những yếu tố liên quan đến năng lực giao tiếp như năng lực diễn ngôn, năng lực ngôn ngữ, năng lực sử dụng ngôn ngữ xã hội, năng lực chiến lược và đặc biệt là năng lực liên văn hóa. Năng lực này đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá mức độ thành công của hội thoại trong bối cảnh đa văn hóa. Ở đây, văn hóa chính là giá trị được thừa nhận bởi một dân tộc hay một cộng đồng sẽ tác động đến cấu trúc diễn ngôn và việc lựa chọn chiến lược giao tiếp.

Theo Samovar và Porter (1991), giao tiếp liên văn hóa chỉ xảy ra khi người phát ngôn và người tiếp nhận diễn ngôn thuộc các nền văn hóa khác biệt, được phân biệt bởi các yếu tố địa lý hoặc lịch sử, qua đó dẫn đến sự xuất hiện của các vấn đề về khác biệt văn hóa trong giao tiếp. Điều này đòi hỏi sự phát triển năng lực giao tiếp liên văn hóa, một năng lực thiết yếu để cá nhân có thể tương tác một cách linh hoạt và tôn trọng trong các môi trường đa văn hóa. Năng lực giao tiếp liên văn hóa không chỉ là khả năng hiểu và thể hiện các giá trị văn hóa mà còn bao gồm việc thực hiện các hành vi giao tiếp phù hợp và hiệu quả để nhận diện và tôn trọng bản sắc văn hóa đa dạng của các bên tham gia trong môi trường giao tiếp nhất định.

Nhìn chung, giao tiếp liên văn hóa là quá trình tương tác mang tính nhận thức hành vi và cảm xúc gắn liền với yếu tố văn hóa. Quá trình này liên quan đến việc tiếp nhận và truyền đạt thông điệp bằng cả ngôn

từ và phi ngôn từ giữa các cá nhân thuộc các nền văn hóa khác nhau trong bối cảnh giao tiếp giữa các cá nhân, nhóm tổ chức và cộng đồng (Satoshi Ishii, 2006).

2.2.2. Mô hình cấu thành năng lực giao tiếp liên văn hóa

Byram (1997) từng chỉ ra nội hàm trong năng lực giao tiếp liên văn hóa bao gồm “năng lực giao tiếp” và “năng lực liên văn hóa”. Để hình thành năng lực giao tiếp liên văn hóa thì người sử dụng ngôn ngữ cần trang bị cả khả năng giao tiếp thành thạo và khả năng liên văn hóa toàn diện.

2.2.2.1. Năng lực giao tiếp

Hymes (1972) đã đưa khái niệm mở rộng của “năng lực giao tiếp” khi cho rằng năng lực giao tiếp không đơn thuần là năng lực làm chủ ngôn ngữ mà còn cần sở hữu tri thức về bộ mã ngôn ngữ học gắn và quy tắc vận hành của nó. Nói một cách dễ hiểu, năng lực giao tiếp là khả năng truyền đạt thông tin, ý tưởng, cảm xúc và thái độ của một cá nhân đến cá nhân khác một cách rõ ràng và hiệu quả thông qua việc sử dụng các phương tiện giao tiếp như ngôn ngữ, cử chỉ, giọng điệu và các phương tiện giao tiếp khác để tạo ra sự hiểu biết và tương tác giữa các cá nhân.

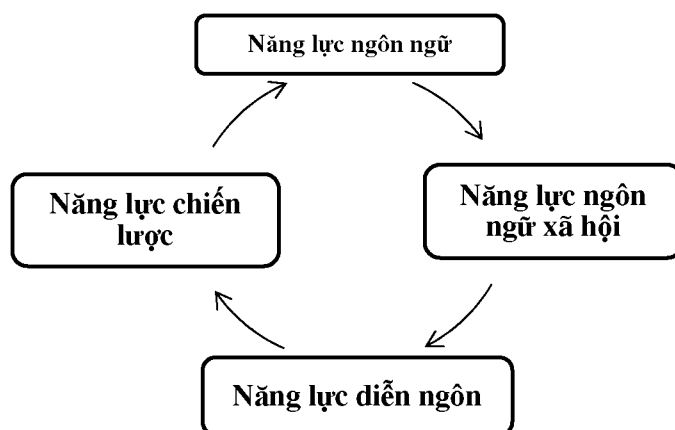
Theo mô hình của Byram (1997), năng lực giao tiếp bao gồm các thành phần chính sau đây:

✓ **Năng lực ngôn ngữ:** Năng lực ngôn ngữ là tổng hòa các kiến thức về hệ thống ngôn ngữ. Hệ thống này bao gồm các thành phần như ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, cú pháp và khả năng áp dụng các kiến thức này để tạo ra và hiểu được phát ngôn. Đây được coi là nền tảng cho mọi hình thức giao tiếp. Tuy nhiên, theo Byram thì nó chỉ là một phần của bức tranh toàn diện.

✓ **Năng lực sử dụng ngôn ngữ xã hội:** Đây là khả năng sử dụng ngôn ngữ phù hợp với bối cảnh xã hội. Bao gồm việc nhận biết và sử dụng các biến thể ngôn ngữ (trang trọng và không trang trọng) và nhận thức về các yếu tố văn hóa có thể ảnh hưởng đến giao tiếp.

✓ **Năng lực diễn ngôn:** Thành tố này đề cập đến khả năng tổ chức và liên kết ý tưởng để tạo ra một diễn ngôn mạch lạc và có nghĩa.

✓ **Năng lực chiến lược:** Đây chính là khả năng ứng biến trong giao tiếp, khả năng vận dụng linh hoạt các chiến lược để vượt qua các khó khăn hoặc sự cố trong giao tiếp.



Hình 1. Mối quan hệ giữa các thành tố cấu thành năng lực giao tiếp

2.2.2.2. Năng lực liên văn hóa

Thành tố thứ hai được đề cập đến trong mô hình này là năng lực liên văn hóa. Theo Byram (1997), năng lực liên văn hóa là quá trình phát triển liên tục, đòi hỏi sự kết hợp hài hòa giữa các thành tố về thái độ, kiến thức và kỹ năng nhằm giúp các cá nhân trở thành những “diễn giả liên văn hóa” thành công. Như vậy, năng lực này là sự kết hợp phức tạp của các yếu tố nhận thức, thái độ và hành vi, cho phép cá nhân tham gia vào cuộc giao tiếp liên văn hóa một cách thành công và xây dựng một mối quan hệ tích cực. Tác giả này cũng nêu ra 5 yếu tố chính cấu thành năng lực liên văn hóa như sau:

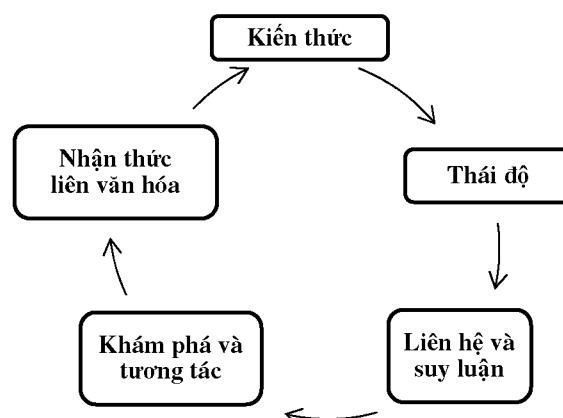
✓ Thái độ liên văn hóa: được coi là sự cởi mở, sẵn sàng hoài nghi về văn hóa của bản thân và tin tưởng vào nền văn hóa khác. Thái độ liên văn hóa là nền tảng quan trọng giúp cá nhân vượt qua định kiến và sẵn sàng đón nhận quan điểm khác với quan điểm của mình.

✓ Kiến thức: là khối kiến thức về các nhóm xã hội bao gồm hệ giá trị văn hóa gắn liền với các thực tiễn xã hội tại quốc gia khác cũng như hiểu biết về mối quan hệ tương tác giữa cá nhân và xã hội trong bối cảnh quốc gia bản địa.

✓ Kỹ năng liên hệ và suy luận: được hiểu là năng lực phân tích và giải thích các tài liệu hoặc hiện tượng tương ứng trong bối cảnh văn hóa bản địa.

✓ Kỹ năng khám phá và tương tác: được coi là khả năng thu nhận kiến thức về một nền văn hóa và thực hành văn hóa, khả năng vận hành kiến thức văn hóa, thái độ và kỹ năng dưới những ràng buộc của giao tiếp và tương tác trong thực tế.

✓ Nhận thức liên văn hóa: là khả năng đánh giá, nhìn nhận một cách phân biệt dựa trên các tiêu chí, các quan điểm trong nền văn hóa của mình và cả trong nền văn hóa của người khác.



Hình 2. Mối quan hệ giữa các thành tố cấu thành năng lực liên văn hóa

Theo Nguyễn Quang (2016), “năng lực giao tiếp liên văn hóa chính là sự mở rộng của năng lực giao tiếp từ chu cảnh nội văn hóa sang chu cảnh liên văn hóa”. Như vậy, năng lực giao tiếp liên văn hóa có thể được hiểu là sự mở rộng và nâng cao từ năng lực giao tiếp thông thường, với trọng tâm là khả năng nhận diện, thích nghi và xử lý hiệu quả các khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ và quan điểm.

2.3. Kiến thức nền

Theo Nguyễn Hòa (2008), tri thức nền bao gồm các hiểu biết về văn hóa, phong tục, chuẩn mực đạo đức, cũng như những kiến thức về thể giới thực hữu và tưởng tượng, ảnh hưởng đến hành vi trong xã hội và giao tiếp. Nguyễn Thiện Giáp và các tác giả khác (1997) lại đưa ra một khái niệm tổng quát hơn khi coi tri thức nền là khả năng tiếp thu và xử lý thông tin trong cả ngôn ngữ mẹ đẻ và ngoại ngữ. Hệ thống kiến thức này giúp định hình khả năng tiếp nhận và diễn giải thông tin. Thêm vào đó, nó cho phép cá nhân suy đoán mức độ hiểu biết của đối phương về vấn đề được đề cập

tại thời điểm phát ngôn. Khả năng hiểu được những nội dung không được đề cập trực tiếp trong lời nói hay trong văn bản đều dựa trên nền tảng tri thức đã tích lũy từ trước. Trong một nền văn hóa cụ thể, tri thức nền đóng vai trò quyết định đối với sự tiếp nhận và diễn đạt ngôn ngữ, mặc dù không được thể hiện trực tiếp mà ẩn chứa trong cấu trúc ngữ nghĩa của diễn ngôn. Tri thức nền bao gồm cả những yếu tố dễ lý giải lẫn những ngụ ý sâu xa khó có thể diễn đạt một cách rõ ràng, tạo thành cơ sở không thể thiếu cho sự giao tiếp hiệu quả.

Trên phương diện cá nhân, tri thức nền có tính chủ thể bởi mỗi người tham gia giao tiếp đều mang theo một kho tàng tri thức riêng biệt về thể giới. Kho tri thức này được họ áp dụng một cách linh hoạt trong quá trình giao tiếp. Tuy nhiên, xét về bản chất, tri thức nền là một kho tri thức chung, được cá nhân tiếp nhận và vận dụng qua thời gian, đồng thời được công nhận và chia sẻ rộng rãi trong cộng đồng. Nó bao gồm các hiểu biết về văn hóa, lịch sử, xã hội, địa lý và ngôn ngữ, những yếu tố mà mỗi người

tham gia giao tiếp cần nắm vững (Nguyễn Thiện Giáp, 1997). Sự phong phú và chiều sâu của tri thức nền là yếu tố then chốt quyết định mức độ thành công trong việc xây dựng và tiếp nhận diễn ngôn, đồng thời tạo nền tảng cho sự thấu hiểu và đồng cảm giữa các cá thể tham gia giao tiếp. Tri thức nền có thể được coi là cầu nối giữa người nói và người nghe, giúp chia sẻ và giải mã thông điệp truyền tải trong một bối cảnh giao tiếp cụ thể.

Khái quát lại, kiến thức nền là hệ thống tri thức được tích lũy theo thời gian. Sự gia tăng về lượng cũng như về chất của tri thức nền cho phép cá nhân tiếp cận và lĩnh hội những nội dung mà trước đó họ chưa thể hiểu được. Từ đó hình thành nguyên tắc: kiến thức nền càng phong phú thì khả năng truyền đạt và tiếp nhận thông tin càng rõ ràng và hiệu quả (Ngô Hữu Hoàng, 2012).

Như vậy có thể thấy, tiếp nhận diễn ngôn là quá trình chủ động xây dựng ý nghĩa từ diễn ngôn khi người tiếp nhận ngoài việc phải nhận diện từ ngữ còn cần diễn giải các dấu hiệu ngôn ngữ và phi ngôn ngữ. Quá trình này phụ thuộc vào ngữ cảnh, các yếu tố thuộc về diễn ngôn và các yếu tố thuộc về cá nhân người tiếp nhận. Trong khi đó, giao tiếp liên văn hóa là quá trình tương tác diễn ra giữa các cá nhân thuộc các nền văn hóa khác nhau và chịu sự chi phối bởi các yếu tố văn hóa như giá trị, niềm tin, thái độ và các quy tắc giao tiếp của mỗi nền văn hóa. Cuối cùng, kiến thức nền là hệ thống hiểu biết được tích lũy trong quá trình sống, đóng vai trò là hệ thống tri thức được hồi cố tại thời điểm

phát ngôn để định hình cách các cá nhân tiếp nhận diễn ngôn và cách họ tham gia vào giao tiếp liên văn hóa. Toàn bộ cơ sở lý luận này tạo thành khung lý thuyết nền tảng để bài nghiên cứu tiến hành chỉ ra cách kiến thức nền tác động lên tiếp nhận diễn ngôn và giao tiếp liên văn hóa trong phần phân tích tiếp theo.

3. Tác động của kiến thức nền lên tiếp nhận diễn ngôn và giao tiếp liên văn hóa

3.1. Tác động của kiến thức nền lên tiếp nhận diễn ngôn

Như đã trình bày ở mục 2.1 về khái niệm của kiến thức nền và tiếp nhận diễn ngôn, xét trên nguyên tắc tiếp nhận diễn ngôn, kiến thức nền được coi là nhân tố quyết định thành bại trong quá trình tiếp nhận và phản hồi diễn ngôn. Theo cách nói của Giáo sư Trần Đình Sử (2013), “diễn ngôn là cách nói năng, là phương thức biểu đạt về thế giới con người, thế giới, các sự vật trong đời sống”. Kiến thức nền ở đây đóng vai trò quan trọng, giúp người tiếp nhận diễn ngôn hiểu đúng ý nghĩa và thông điệp mà người nói hoặc viết muốn truyền đạt. Nếu thiếu kiến thức nền, người tiếp nhận có thể gặp khó khăn trong việc giải mã và phản hồi chính xác diễn ngôn. Do đó, diễn ngôn không chỉ là phương thức biểu đạt mà còn là một hiện tượng tư tưởng, phản ánh quan điểm, giá trị và cách nhìn nhận của người nói, người viết đối với thế giới. Mặt khác, kiến thức nền là yếu tố giúp người tiếp nhận kết nối thông điệp với thế giới quan của mình.

Trong mối tương quan giữa kiến thức nền và tiếp nhận diễn ngôn, Minsky (1992) đã chỉ ra rằng phương thức biểu hiện của kiến thức nền chính là thông qua các cấu trúc đã được cộng đồng quy ước. Đây là yếu tố then chốt quyết định cách thức sử dụng của kiến thức nền. Tác giả đưa ra khái niệm “khung” để chỉ các cấu trúc dữ liệu chứa đựng kiến thức nền. Đây là “một khuôn mẫu được hồi cố lại và thích nghi với hiện thực thông qua việc điều chỉnh các chi tiết cần thiết” được người sử dụng chọn lọc sử dụng “khi họ gặp phải một tình huống mới”.

Cũng bàn về vấn đề này, Schank và Abelson (1977) giới thiệu khái niệm “kịch bản” như một cấu trúc nhận thức nhằm tổ chức và xử lý chuỗi các hành động hoặc sự kiện theo trật tự, từ đó giúp dự đoán và hiểu các diễn ngôn kế tiếp. Theo đó, “kịch bản” là công cụ nhận thức giúp con người sắp xếp và giải mã các sự kiện trong đời sống hàng ngày, bao gồm một chuỗi các hành động hoặc sự kiện mà người ta kỳ vọng sẽ xảy ra trong một tình huống cụ thể. Khối lượng kiến thức nền mà mỗi cá nhân sở hữu sẽ quyết định việc họ lựa chọn và áp dụng “kịch bản” nào để hiểu diễn ngôn.

Tương tự, Sanford và Garrod (1998) sử dụng thuật ngữ “kịch văn”, một khái niệm tương đồng về bản chất với “kịch bản” của Schank và Abelson, nhằm mô tả cách thức con người tổ chức và xử lý thông tin từ các chuỗi hành động hoặc sự kiện. Dù có sự khác biệt trong cách gọi tên và cách tiếp cận, cả “khung”, “kịch bản” và “kịch văn” đều nhấn mạnh vai trò thiết yếu của kiến

thức nền trong việc tiếp nhận và hiểu các diễn ngôn.

Brown và Yule (2002) đã chỉ ra hai nguyên tắc cơ bản áp dụng cho quá trình hiểu nội dung giao tiếp. Đó là nguyên tắc “hiểu tại chỗ” và nguyên tắc “loại suy”. Nguyên tắc “hiểu tại chỗ” nhấn mạnh rằng thông tin cần thiết để hiểu diễn ngôn phải được cung cấp ngay trong tình huống giao tiếp. Nguyên tắc này cho thấy vai trò quan trọng của ngữ cảnh hiện tại, nơi người nghe chỉ cần sử dụng các thông tin sẵn có trong ngữ cảnh mà không cần phải mở rộng phạm vi suy luận hoặc tìm kiếm thêm thông tin ngoài ngữ cảnh. Ngược lại, nguyên tắc “loại suy” yêu cầu người nghe dựa vào kiến thức nền và kinh nghiệm cá nhân để suy luận, lấp đầy những khoảng trống thông tin, hoặc đưa ra các diễn giải có ý nghĩa sâu sắc hơn. Nói cách khác, kiến thức nền đóng vai trò thiết yếu trong việc vận dụng nguyên tắc này, giúp người nghe hiểu và tiếp nhận diễn ngôn một cách toàn diện hơn.

Như vậy, để tiếp nhận và hiểu diễn ngôn, các tham thể trong hội thoại cần dựa trên cả hai yếu tố: “kiến thức nền chủ quan” và “ngữ cảnh khách quan”. Nói cách khác, nguyên lý “hiểu tại chỗ” và nguyên lý “loại suy” đều cần được vận dụng linh hoạt và hài hòa. Nguyễn Hòa (2008) cũng nhận định rằng đây chính là hai nguyên tắc cơ bản góp phần tạo nên tính mạch lạc trong diễn ngôn.

3.2. Tác động của kiến thức nền lên năng lực giao tiếp liên văn hóa

Theo Ngô Hữu Hoàng (2011), nguyên nhân chính trong việc các thành viên trong

một cuộc hội thoại liên văn hóa không hiểu nhau không phải do thiếu hụt năng lực ngôn ngữ mà là do sự nghèo nàn về kiến thức nền giữa các bên. Khi xem xét tác động của kiến thức nền lên năng lực giao tiếp liên văn hóa thực chất là bàn luận về mối quan hệ giữa văn hóa và giao tiếp. Mọi sự tác động từ văn hóa đối với giao tiếp đều thông qua quá trình nội tại hóa văn hóa trong kiến thức nền của mỗi cá nhân.

Samovar và Porter (1991) đã chỉ ra ba yếu tố chính trong phạm trù văn hóa xã hội tác động lên giao tiếp bao gồm: khả năng tri nhận, các quá trình hữu ngôn và các quá trình phi ngôn. Cụ thể:

✓ Khả năng tri nhận: Khả năng tri nhận là quá trình thu thập, xử lý, và diễn giải thông tin từ môi trường xung quanh. Trong giao tiếp liên văn hóa, khả năng tri nhận bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi nền văn hóa của cá nhân. Quá trình này chịu ảnh hưởng bởi ba tiểu thành tố: hệ quy chiếu thái độ và niềm tin, thế giới quan và cấu trúc tổ chức xã hội. Nói cách khác, tri nhận là khả năng nhận thức và đánh giá sự vật, hiện tượng, hành vi là phù hợp với bối cảnh hay là không.

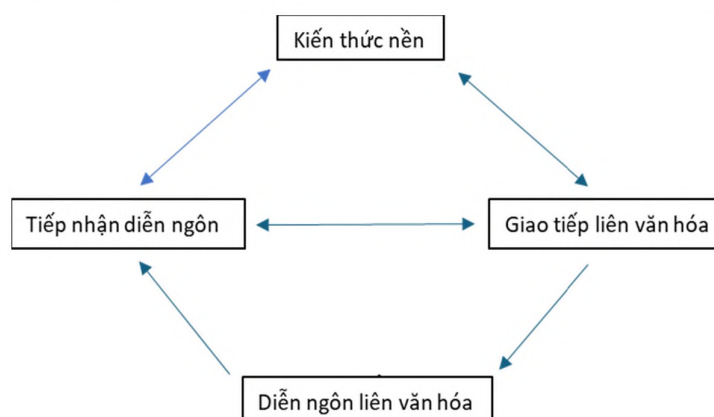
✓ Các quá trình hữu ngôn: Quá trình hữu ngôn không đơn thuần đề cập đến việc sử dụng ngôn ngữ như một công cụ giao tiếp trong các tình huống xã hội mà còn phản ánh sự kết hợp sáng tạo giữa hoạt

động tư duy, sáng tạo và khả năng tạo lập ý nghĩa thông qua hệ thống kí hiệu. Theo đó, ngôn ngữ ở cấp độ xã hội chính là diễn ngôn. Diễn ngôn không chỉ là phương tiện truyền đạt thông tin mà còn là cấu trúc biểu đạt tư duy và kinh nghiệm sống của con người. Nó được định hình bởi bối cảnh văn hóa, xã hội và lịch sử.

✓ Các quá trình phi ngôn: Các quá trình phi ngôn tập trung vào hình thức giao tiếp và biểu đạt phi ngôn ngữ. Các quá trình này bao gồm điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, hành vi không lời và cả khoảng cách không gian trong giao tiếp. Đây được coi là hệ thống biểu tượng phụ trợ hoặc thay thế cho ngôn ngữ. Hệ thống này đóng vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh, củng cố và phủ nhận thông điệp. Đây là thành tố góp phần tạo nên các sắc thái trong giao tiếp liên cá nhân.

3.3. Sự tương tác giữa tiếp nhận diễn ngôn và giao tiếp liên văn hóa trong bối cảnh tác động của kiến thức nền

Qua những phân tích trước đó về tác động của kiến thức nền lên tiếp nhận diễn ngôn và lên giao tiếp liên văn hóa. Chúng tôi nhận thấy cần xem xét thêm mối tương tác giữa cả hai phạm trù này dưới tác động của kiến thức nền. Để minh họa cho tính chất này, chúng tôi đề xuất mô hình tương tác sau:



Hình 3. Sự tương tác giữa kiến thức nền, diễn ngôn và giao tiếp liên văn hóa

Hai quá trình tiếp nhận diễn ngôn và giao tiếp liên văn hóa không chỉ vận hành dựa trên tri thức nền mà còn đóng vai trò là nguồn tái tạo và mở rộng kiến thức nền. Kiến thức nền không chỉ là cơ sở giúp giải mã và thấu hiểu ý nghĩa của diễn ngôn mà còn là yếu tố điều hướng các chiến lược giao tiếp phù hợp với bối cảnh văn hóa đa dạng. Đồng thời, thông tin thu nhận từ việc giải mã diễn ngôn và thực hành giao tiếp liên văn hóa liên tục được tích lũy, tái định hình và chuyển hóa thành tri thức nền mới, tạo nên vòng lặp tri thức không ngừng phát triển.

Mối quan hệ giữa ba yếu tố này là một hệ thống tương tác đa chiều, trong đó tiếp nhận diễn ngôn và giao tiếp liên văn hóa không ngừng củng cố và bổ sung lẫn nhau. Đặc biệt, giao tiếp liên văn hóa là quá trình kết hợp tri thức nền có hữu với việc xử lý và tiếp nhận diễn ngôn trong thời điểm nói. Sản phẩm hữu hình của quá trình này là diễn ngôn liên văn hóa - sản phẩm phản ánh khả năng lĩnh hội ý nghĩa, thích ứng linh hoạt, và sáng tạo trong môi trường giao tiếp đa văn hóa.

4. Kết luận

Mặc dù vẫn còn tồn tại những bất đồng trong cách định nghĩa khái niệm kiến thức nền, nhưng về cơ bản, hầu hết các bài nghiên cứu của các học giả đều đồng tình với quan điểm về năng lực tiếp nhận diễn ngôn hay năng lực giao tiếp liên văn hóa đều phụ thuộc chủ yếu vào khối lượng, chất lượng kiến thức nền mà cá nhân sở hữu. Trong vòng tuần hoàn tri thức giao tiếp, kiến thức nền thể hiện vai trò kép: vừa là dữ liệu đầu vào cho quá trình tiếp nhận và sản sinh diễn ngôn vừa là sản phẩm được bổ sung, mở rộng qua quá trình giao tiếp. Mối quan hệ hai chiều giữa tiếp nhận diễn ngôn và giao tiếp liên văn hóa được minh họa qua việc thông tin được luân chuyển liên tục, giúp các bên thấu hiểu lẫn nhau và thích ứng với sự đa dạng văn hóa. Nếu kiến thức nền mới là sản phẩm vô hình của quá trình tương tác thì sự hình thành “diễn ngôn liên văn hóa” lại là sản phẩm hữu hình phản ánh rõ ràng sự tương tác giữa tri thức nền, tiếp nhận diễn ngôn và giao tiếp liên văn hóa.

Về mặt lý luận, nghiên cứu này khẳng định vai trò của kiến thức nền trong tiếp nhận diễn ngôn và giao tiếp liên văn hóa. Cụ thể, kiến thức nền là yếu tố quyết định trong vận hành cơ chế “loại suy” trong tiếp nhận diễn ngôn. Đối với tác động đến quá trình giao tiếp liên văn hóa, kiến thức nền là hệ thống tri thức quyết định sự tồn tại của khả năng tri nhận, các quá trình hữu ngôn và các quá trình phi ngôn từ đó nâng cao hiệu quả tiếp nhận và tính thích ứng trong giao tiếp liên văn hóa. Cuối cùng, trong bối cảnh kiến thức nền chi phối, tiếp nhận diễn ngôn và giao tiếp liên văn hóa cũng không ngừng tương tác và hoàn thiện lẫn nhau từ đó sản sinh diễn ngôn liên văn hóa. Bài nghiên cứu được tiến hành với quan điểm lý luận mới khi coi giao tiếp liên văn hóa là độc lập và không phụ thuộc vào tiếp nhận diễn ngôn. Nghiên cứu cũng nhấn mạnh vai trò kép của kiến thức nền khi không chỉ là điều kiện đầu vào mà còn là yếu tố luôn được điều chỉnh và tái tạo trong suốt quá trình giao tiếp giữa các nền văn hóa.

Bài báo này chủ yếu vẫn được trình bày dưới góc độ lý thuyết và chưa có minh chứng thực nghiệm. Đồng thời tác giả vẫn chưa khai thác sâu sắc về mức độ tác động của hai trình tiếp nhận diễn ngôn và giao tiếp liên văn hóa lên kiến thức nền của mỗi cá nhân. Để mở rộng phạm vi nghiên cứu, các công trình sau có thể tập trung vào việc so sánh ảnh hưởng của kiến thức nền đối với tiếp nhận diễn ngôn giữa các nền văn hóa khác nhau hoặc nghiên cứu ứng dụng kiến thức nền trong giảng dạy ngôn ngữ nhằm nâng cao năng lực giao tiếp liên văn

hóa. Dựa trên các phân tích đã trình bày, bài nghiên cứu hy vọng đem lại ý nghĩa thực tiễn khi cung cấp góc nhìn mới cho quá trình học tập và ứng dụng ngữ dụng học trong các lĩnh vực như giáo dục ngôn ngữ, đào tạo liên văn hóa và các chiến lược giao tiếp lấy diễn ngôn làm nền tảng. Việc bài nghiên cứu tái định vị giao tiếp liên văn hóa như một danh mục phân tích độc lập khuyến khích các bài nghiên cứu trong tương lai tiến hành phân tích, giải thích các hành vi giao tiếp phức tạp, đòi hỏi sự nhạy cảm theo ngữ cảnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Brown, G., và Yule, G. (2002). *Phân tích diễn ngôn* (Trần Thuần dịch). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Byram, M. (1997). *Teaching and Assessing Intercultural Communicative Competence*. Multilingual Matters.
3. Gudykunst, W. B. (2003). *Cross-cultural and intercultural communication*. Sage.
4. Hymes, D. (1972). *On communicative competence*. Trong *Sociolinguistics: Selected readings* (trang 269-293) do J. B. Pride & J. Holmes biên tập. Penguin.
5. Satoshi Ishii (2006). Complementing contemporary intercultural communication research with East Asian sociocultural perspectives and practices. *China Media Research*, 2(1), 13-20.
6. Lã Nguyên. (2016). *22 định nghĩa về diễn ngôn*. Tra cứu tại <https://languyensp.wordpress.com/2016/01/26/726/>, (truy cập ngày 31 tháng 12 năm 2024).
7. Mammadov, A. (2018). *Studies in Text and Discourse*. Newcastle upon Tyne: Cambridge Scholars Publishing.
8. Mielke, J., De Geest, S., Zúñiga, F., Brunkert, T., Zullig, L. L., Pfadenhauer, L. M., và Staudacher, S. (2022). *Understanding*

dynamic complexity in context—Enriching contextual analysis in implementation science from a constructivist perspective. *Frontiers in Health Services*, 2, 953731.

9. Minsky, M. (1992). *A framework for representing knowledge*. Trong *Cognitive Science* do Collins, Allan and Edward E. Smith biên tập. Morgan-Kaufmann.

10. Ngô Hữu Hoàng (2012). Vai trò của văn hóa và kiến thức nền trong việc hình thành và tiếp nhận diễn ngôn. *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Ngoại ngữ*, 28, 25–32.

11. Nguyễn Hòa (2008). *Phân tích diễn ngôn: Một số vấn đề lý luận và phương pháp*, tái bản lần thứ hai. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

12. Nguyễn Quang (2016). Từ năng lực ngôn ngữ đến năng lực liên văn hóa. *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu Nước ngoài*, 32(3), 1-9.

13. Nguyễn Thiện Giáp, Đoàn Thiện Thuật và Nguyễn Minh Thuyết (1997). *Dẫn luận ngôn ngữ học*. NXB Giáo dục.

14. Samovar, L. A., Porter, R. E. (1991). *Intercultural Communication: A Reader*, tái bản lần thứ 6. Wadsworth Publishing.

15. Sanford, A. J., & Garrod, S. C. (1998). The role of scenario mapping in text comprehension. *Discourse Processes*, 26(2–3), 159–190. <https://doi.org/10.1080/01638539809545043>

16. Schank, R. C., & Abelson, R. P. (1977). *Scripts, plans, goals, and understanding: An inquiry into human knowledge structures*. Erlbaum Associates.

17. Thomas, J. (2013). *Meaning in interaction: An introduction to pragmatics*. Routledge.

18. Trần Đình Sử (2013). Khái niệm diễn ngôn trong nghiên cứu văn học hôm nay. *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 5(3). Truy cập từ <http://khoavanhoc.husc.edu.vn>

19. Trần Ngọc Thêm (2021). Quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa trong nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ và quốc tế học dưới cái nhìn hệ thống. *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, Số 9, tr.23-33.

20. Van Dijk, T. A. (2003). *The discourse-knowledge interface*. Trong *Critical discourse analysis: Theory and interdisciplinarity* (trang 85–109) do G. Weiss và R. Wodak biên tập. Palgrave-Macmillan.

(Ngày nhận bài: 05/3/2025; ngày duyệt đăng: 17/6/2025)